

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Ngọc Mai

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1969;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Đàm Trọng Đ, sinh năm: 1962;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Dân phố A, Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023, nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày: bà và ông Đàm Trọng Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Đến thời điểm hiện tại, bà và ông D vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và cũng không có khả năng hàn gắn vì tình cảm không còn. Nay, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông D.

Về con chung: bà và ông D có 03 người con chung gồm Đàm Trọng T, sinh năm 1988; Đàm Thị H, sinh năm 1991 và Đàm Trọng T1, sinh năm 2001 đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Tại đơn đề nghị ngày 02/8/2023, bị đơn ông Đàm Trọng D trình bày:* ông và bà B chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2019 và có 03 người con chung đúng như đơn khởi kiện bà B trình bày, đến thời điểm hiện tại ông và bà B không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng sống chung không có hạnh phúc vì bà B thường đi khỏi nhà không báo cho ông biết. Hiện tại bà B và các con không sống chung với ông, cũng không quan tâm thăm hỏi gì đến ông mặc dù ông chỉ đang sống một mình, đau yếu bệnh tật. Mâu thuẫn giữa ông và bà B đã lớn không thể hàn gắn được nên ông cũng không muốn tiếp tục chung sống vợ chồng với bà B.

Về con chung: ông và bà B có 03 người con chung gồm Đàm Trọng T, sinh năm 1988; Đàm Thị H, sinh năm 1991 và Đàm Trọng T1, sinh năm 2001 đều đã thành niên. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về hôn nhân: căn cứ các Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị B và ông Đàm Trọng D. Về con chung: đều đã thành niên nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: bà [Vũ Thị B](#) khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông [Đàm Trọng Đ](#) có nơi cư trú tại [xã L, huyện C, tỉnh Long An](#) nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà [B](#), ông [Đ](#) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà [B](#) và ông [Đ](#).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà [Vũ Thị B](#) và ông [Đàm Trọng Đ](#) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ sau khi tổ chức lễ cưới, bà [B](#) và ông [Đ](#) chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, cả hai đều xác nhận không muốn hàn gắn với nhau. Bà [B](#) yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông [Đ](#). Ông [Đ](#) cũng đồng ý với yêu cầu của bà [B](#).

[2.2] Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 10/UBND-XNTTHN ngày 23/02/2023 của [UBND xã L, huyện C](#); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 07/UBND-XNTTHN ngày 05/01/2023 của [UBND Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk](#); Công văn số 32/UBND-TP ngày 21/6/2023 của [UBND xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên](#) thể hiện bà [Vũ Thị B](#) và ông [Đàm Trọng Đ](#) không có tiến hành đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà [B](#), tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà [Vũ Thị B](#) và ông [Đàm Trọng Đ](#).

[2.3] Về con chung: ông [Đ](#) và bà [B](#) có 03 người con chung gồm [Đàm Trọng T](#), sinh năm 1988; [Đàm Thị H](#), sinh năm 1991 và [Đàm Trọng T1](#), sinh năm 2001 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: bà [B](#) và ông [Đ](#) xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: bà [B](#) và ông [Đ](#) xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí: bà [B](#) phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị B đối với bị đơn ông Đàm Trọng Đ.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị B và ông Đàm Trọng Đ.

2. Về con chung: ông Đ và bà B có 03 người con chung gồm Đàm Trọng T, sinh năm 1988; Đàm Thị H, sinh năm 1991 và Đàm Trọng T1, sinh năm 2001 đều đã thành niên.

3. Về án phí: bà Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 0005773 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, bà B đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- THADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang

